

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2026/DS-PT

Ngày: 28-01-2026

V/v “*Tranh chấp QSD đất; thu hồi  
Giấy chứng nhận QSD đất và đòi  
tiền bồi thường, hỗ trợ về đất*”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Lợi.

*Các Thẩm phán:*

Bà Kiều Kim Xuân.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/01/2026 và ngày 28/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 752/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về QSD đất; thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất và đòi tiền bồi thường, hỗ trợ về đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 710/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Trương Thị H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị H:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp E, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp), theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/01/2026 (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị H:* Luật sư Lê Ngọc T - Văn phòng Luật sư Lê Ngọc T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

**2. Bị đơn:** Vũ Văn M1, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Trương Thị X, sinh năm 1971 (có mặt);

3.2. Vũ Thị Cẩm T1, sinh năm 1990 (vắng mặt);

3.3. Vũ Văn Dương K, sinh năm 1993 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

3.4. Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Số A, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp).

3.5. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T;

Địa chỉ trụ sở: Khóm C, thị trấn M, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

*Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện T:* UBND xã M, tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ trụ sở: Ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp;

*Người đại diện theo pháp luật của UBND xã M:* Ông Lê Văn N, chức vụ: Chủ tịch;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N:* Ông Trịnh Đức H1, chức vụ Phó Trưởng Phòng Kinh tế thuộc UBND xã M, theo Giấy ủy quyền ngày 05/01/2026 (vắng mặt, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**4. Người kháng cáo:** Bà Trương Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn bà Trương Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn M đại diện trình bày:** Bà H là chị vợ của ông M1. Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ bà H tên Trương Văn X1 (chết năm 2003) và Trần Thị H2 (chết năm 2017). Cha, mẹ có tạo lập một phần đất, nhưng bà H không xác định được diện tích, lúc cha mẹ còn sống thì đã chia đất cho các anh chị em; bà H không xác định cho mỗi người diện tích bao nhiêu, còn riêng bà H thì được mẹ cho đất vào năm 2001, diện tích 1.379,2m<sup>2</sup>, thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10, loại đất cây lâu năm, hiện trạng đất khi cho là một phần đất lúa và cái bờ sáng. Sau khi cho đất, phần đất lúa bà H trồng rẫy (rau, củ...), còn phần bờ bà H trồng xoài từ năm 2001, khoảng năm 2001 hoặc năm 2002 bà H có mua lại cái nhà của cháu bà H tên Trương Vũ H3 để ở, đến khoảng năm 2011, 2012, thì bà H không sử dụng nữa; lý do đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây, anh H3 không có nơi ở nên mẹ bà H cho anh H3 cất nhà ở đậu, sau khi anh H3 có chỗ ở khác thì anh H3 không ở nữa, nên bán nhà lại cho bà H giá 03 chỉ vàng 24Kra. Bà H đi làm thuê thì nhà này con bà H ở, còn đất thì cho em tên Trương Văn Ú mượn sử dụng. Không nhớ năm nào thì con bà H về sống chung với mẹ của bà H, còn nhà thì bị hư sập, nên ông M1 có hỏi bà H xin cây về làm củi, thì bà H đồng ý.

Trong thời gian ông Trương Văn Ú sử dụng đất thì ông Ú cho ông M1 mướn đất, khi cho mướn thì ông Ú không nói với bà H, khi bà H về thì ông Ú mới nói là năm 2019, bà H không đồng ý việc này. Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2018, bà H đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vẫn thường xuyên về nhà mẹ bà H, nhà mẹ bà H và nhà bà H cách nhau khoảng 500m. Bà H không biết quy định của Nhà nước về cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Số cây xoài bà H trồng thì ông M1 đã đốn, hiện nay còn cái nền nhà của bà H và 01 cây xoài.

Bà Trương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất, công nhận cho bà H diện tích 1.379,2m<sup>2</sup>, thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10, buộc ông M1 giao trả phần đất nêu trên để bà H quản lý sử dụng. Sau đó, bà H được biết thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.379,2m<sup>2</sup> đã được Nhà nước thu hồi một phần để làm đường cao tốc và bồi thường cho ông M1. Do đó, bà H yêu cầu được nhận tiền bồi hoàn thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10, diện tích và tiền bồi hoàn bao nhiêu thì bà H chưa biết (vì không có hồ sơ bồi hoàn). Phần diện tích đất còn lại không bị thu hồi theo kết quả đo đạc là 247,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10. Do đó, bà H yêu cầu hộ ông M1 giao trả diện tích 247,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10, xã M để bà H quản lý, sử dụng.

- **Bị đơn ông Vũ Văn M1 trình bày:** Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trương Văn R, vào năm 1989 (ông R là cô cậu với bà H, ông R đã chết), ông M1 thỏa thuận hoa lợi mặt bằng diện tích 1.379m<sup>2</sup>, giá 20 gia lúa để nhận phần đất này với ông R, khi thỏa thuận hoa lợi mặt bằng không có làm giấy tờ. Do ông M1 chưa có nhu cầu sử dụng, nên có cho cháu vợ tên Trương Vũ H3 xây dựng nhà ở đậu (không nhớ năm nào). Anh H3 ở một thời gian thì bán nhà lại cho bà H (không có bán đất), bà H ở trên đất khoảng 03 năm, trong thời gian này bà H có trồng mấy cây xoài hột (loại xoài ghép), xoài này tự chết chứ ông M1 không có đốn như lời trình bày của bà H. Hiện nay, còn 01 cây xoài cát chu do trước đây anh H3 trồng chứ không phải bà H trồng, khi bồi thường cây do làm lộ cao tốc thì Trương Văn Ú làm hồ sơ nhận bồi hoàn cây này, sau đó ông Ú giao tiền cho bà H hơn 5.000.000 đồng (vì bà H nói của bà trồng), do không muốn tranh chấp nên ông Ú giao tiền cho bà H. Về diện tích đất 1.379,2m<sup>2</sup> thì trúng quy hoạch không hết diện tích, còn lại khoảng 300m<sup>2</sup>, hiện trạng đất ông trồng cây xoài. Phần bồi hoàn cây xoài trên đất thì ông M1 đã nhận tiền rồi, số tiền hơn hai trăm triệu đồng, còn tiền bồi hoàn đất thì ông chưa nhận, do đang tranh chấp, ông đồng ý tạm ngưng nhận tiền bồi hoàn đất, chờ kết quả giải quyết của Tòa án. Nếu bà H có căn cứ chứng minh đất của bà H thì bà H được nhận tiền bồi hoàn đất và ông giao phần đất còn lại cho bà H. Giáp với thửa đất số 1579 là đất của mẹ vợ ông, lúc mẹ vợ ông còn sống thì cho ông mướn luôn phần đất này, sau đó mẹ vợ chết thì Trương Văn Ú cho ông mướn đất tiếp để canh tác.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị X, chị Vũ Thị Cẩm T1, anh Vũ Văn Dương K trình bày:** Bà X, chị T1 và anh K thống nhất

lời trình bày của ông M1, không có yêu cầu gì cho quyền lợi của mình đối với thửa đất đang tranh chấp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ trình bày:** Thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10, mang tên Vũ Văn M1 trúng vào quy hoạch đường C - Cao Lãnh một phần diện tích, đã có chủ trương bồi hoàn, chi tiền theo phê duyệt. Nhưng do Tòa án có văn bản đề nghị tạm ngưng chi tiền bồi hoàn đất cho ông M1. Do đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ tạm giữ tiền bồi hoàn đất, chờ kết quả Tòa án giải quyết vụ án.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T trình bày:** UBND huyện T căn cứ Bản án (Quyết định) có hiệu lực pháp luật để thi hành và đề nghị vắng mặt trong quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 04/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.
2. Hộ ông Vũ Văn M1 có quyền đến cơ quan có thẩm quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về thửa đất số 1579, tờ bản đồ số 10, xã M theo quy định.
3. Về chi phí tố tụng: Bà Trương Thị H phải chịu chi phí tố tụng đã nộp 3.343.000 đồng (ba triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng).
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu 31.610.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001090 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Bà Trương Thị H phải nộp thêm 31.310.000đ (ba mươi một triệu ba trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị H nộp đơn kháng cáo đề ngày 17/7/2025 yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trương Thị H là Luật sư Lê Ngọc T trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H để bà H được nhận tiền bồi hoàn 616.029.000 đồng và buộc hộ ông M1 giao trả diện tích đất còn lại 247,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 1579 để bà H quản lý, sử dụng. Bởi các căn cứ như: Theo văn bản ý kiến và lời khai của ông M1 tại Tòa án cấp sơ thẩm đều thể hiện ông M1 chỉ sử dụng đất tranh chấp thửa 1579 từ năm 2015 khi cụ H2 chết cho đến nay; ông M1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông trực tiếp sử dụng đất từ năm 1989 đến năm 2015. Bà H được cha mẹ cho đất tranh chấp năm 2001, khi anh H3 xây dựng nhà ở đậu (ở nhờ) trên đất đã xin cha mẹ bà H là cụ X1, cụ H2 và bà H. Ông M1 thừa nhận bà

H có 01 cây xoài trên đất tranh chấp, nên ông Ú kê khai đã để cho bà H được nhận tiền bồi thường cây xoài này, do đất của bà H nên bà H mới được nhận tiền bồi thường cây xoài trên đất, nếu đất của ông M1 thì không để ông Ú kê khai và bồi thường cho bà H. Theo Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 01/4/2024 thì bà B không có ký tên được thể hiện theo Giấy xác nhận của bà B ngày 02/7/2025. Theo lời khai của những người làm chứng như ông R1, ông C, ông H4 ngày 14/6/2025 đều xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Trương Văn R, khi làm kênh thì Nhà nước lấy đất tranh chấp cấp lại cho cụ X1 và cụ H2, sau đó họ đã cho lại con là bà H.

- Nguyên đơn bà Trương Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn M đại diện trình bày: Thống nhất với lời bảo vệ của Luật sư Lê Ngọc T như nêu trên, anh M không bổ sung gì thêm.

- Bị đơn ông Vũ Văn M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị X, anh Vũ Văn Dương K trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị H như nêu trên. Xác định nguồn gốc đất tranh chấp thửa 1579 là do ông M1 đã trả thành quả lao động (hoa lợi) cho ông Trương Văn R vào năm 1989 và sử dụng đất ổn định từ đó cho đến nay, hộ ông Vũ Văn M1 đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 2024. Ông M1, bà X và anh K yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị H thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị H; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 323/PB-VKS-DS ngày 28/01/2025).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp QSD đất; thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất và đòi tiền bồi thường, hỗ trợ về đất*” là đúng quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Trương Thị H không

thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc bà H nộp đơn kháng cáo vào ngày 17/7/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của UBND xã M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn chị Vũ Thị Cẩm T1, đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đ vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Trương Thị H cho rằng đất tranh chấp thuộc thửa 1579, diện tích 1.379,2m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm do UBND huyện T cấp cho hộ ông Vũ Văn M1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất ngày 07/6/2024 (viết tắt là đất tranh chấp hay thửa 1579) có nguồn gốc là của cha mẹ bà H là cụ Trương Văn X1 (chết năm 2003) và cụ Trần Thị H2 (chết năm 2017) cho bà H vào năm 2001 chỉ bằng lời nói (bằng miệng) mà không lập thành văn bản. Sau khi được cho đất bà H trồng rẫy và trồng xoài ở bờ đất, sau đó bà H mua lại căn nhà của cháu bà là anh Trương Vũ H3 để ở. Vào khoảng năm 2011-2012 bà H đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh đã để căn nhà lại cho con bà H sử dụng, còn đất thì cho em tên Trương Văn Ú mượn sử dụng, ông Ú đã cho ông M1 thuê lại. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất tranh chấp đã cấp cho hộ ông Vũ Văn M1, công nhận đất tranh chấp cho bà H quản lý, sử dụng. Do đất tranh chấp đã được Nhà nước thu hồi một phần để xây dựng công trình đường C - C với diện tích 1.087,9m<sup>2</sup> và bồi thường cho hộ ông Vũ Văn M1, nên bà H yêu cầu được nhận tiền bồi hoàn chi trả cho hộ ông M1 là 616.029.000 đồng (bao gồm bồi thường, hỗ trợ về đất thửa 1579 là 554.829.000 đồng và các khoản hỗ trợ khác là 61.200.000 đồng) và yêu cầu hộ ông M1 giao trả diện tích đất còn lại 247,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 1579 để bà H quản lý, sử dụng.

Bị đơn ông Vũ Văn M1 không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như nêu trên, ông M1 cho rằng đất tranh chấp mà ông đang sử dụng có nguồn gốc là của ông Trương Văn R, ông R đã cho ông M1 trả hoa lợi mặt bằng vào năm 1989 để ông M1 được QSD đất, với giá 20 gia lúa nhưng các bên không có làm giấy tờ. Quá trình sử dụng đất ông M1 có cho cháu vợ là anh Trương Vũ H3 xây dựng nhà để ở nhờ trên đất, sau đó bà H mua lại căn nhà của anh H3 sử dụng khoảng 03 năm thì nhà sập, bà H không sử dụng nữa. Đất tranh chấp ông M1 đã sử dụng ổn định, lâu dài nên ông đăng ký và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông M1 năm 2024. Khi Nhà nước thu hồi đất đã bồi thường cây trồng trên đất cho ông, còn số tiền bồi thường về đất thì ông chưa nhận do có tranh chấp với bà H, đối với diện tích đất 247,5m<sup>2</sup> còn lại thuộc một phần thửa 1579 thì ông M1 đang quản lý, sử dụng. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp về QSD đất; thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất và đòi tiền bồi thường, hỗ trợ về đất giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H như nêu trên là có cơ sở. Bởi các căn cứ như sau:

- Bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đất tranh chấp thửa 1579 có nguồn gốc là của cha mẹ bà là cụ Trương Văn X1 và cụ Trần Thị H2 đã tặng cho bà vào năm 2001.

- Mặc dù ông M1 không cung cấp được tài liệu thể hiện ông đã trả thành quả lao động (hoa lợi) cho ông Trương Văn R để được sử dụng đất tranh chấp vào năm 1989. Nhưng xét quá trình sử dụng đất thể hiện ông M1 đã trồng cây trên đất không ai tranh chấp và ông đã sử dụng đất tranh chấp ổn định, lâu dài, việc này bà H biết nhưng cũng không tranh chấp. Đồng thời, đất tranh chấp đã được UBND huyện T công nhận và cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông M1 ngày 07/6/2024 phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, giáp với đất tranh chấp là đất của cụ H2 (mẹ bà H) và đất của bà Trương Thị B (chị bà H) đều được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Do đó, việc bà H cho rằng không biết chủ trương Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất để bà đăng ký là không phù hợp với thực tế.

- Đối với lời khai của người làm chứng là những người giáp ranh đất tranh chấp cũng như anh em ruột bà H như ông Trương Văn B1 và Trương Văn Ú đều cho rằng nguồn gốc đất là của ông R, do Nhà nước đào mức kênh 2000 nên đất của ông R có một phần giáp với đất của cụ H2 (mẹ bà H, mẹ vợ ông M1), nhưng ông R không sử dụng đã để lại cho ông M1 sử dụng. Theo lời khai người làm chứng anh Trương Vũ H3 xác định khi anh xây dựng nhà trên đất tranh chấp là do anh xin ông M1 cho ở đậu (ở nhờ) trên đất của ông M1, sau đó do không có nhu cầu ở nữa thì anh bán nhà lại cho bà H, còn đất vẫn là của ông M1, cho thấy lời khai của ông B1, ông Ú và anh H3 phù hợp với nội dung ông M1 đã kê khai để được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất, cụ thể đất có nguồn gốc từ ông R giao cho ông M1 sử dụng từ năm 1989, sau khi ông M1 trả hoa lợi cho ông R. Vì vậy, đối với lời khai của người làm chứng như ông Trương Văn R1, ông Nguyễn Thanh H4, ông Nguyễn Văn C cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ D cho ông R, do ông R không sử dụng nên Nhà nước thu hồi cấp cho cụ H2, sau đó cụ H2 cho lại bà H, xét trình bày này là không có đủ cơ sở chứng minh, do không phù hợp thực tế sử dụng đất tranh chấp đã được Nhà nước công nhận cho hộ ông M1.

Do đất tranh chấp thửa 1579 thuộc QSD hợp pháp của hộ ông Vũ Văn M1, nên hộ ông M1 có quyền đến cơ quan có thẩm quyền nhận tiền bồi hoàn, hỗ trợ về thửa đất số 1579 theo quy định.

[4] Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà H, yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của anh M là không đủ căn cứ, đồng thời nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Đối với đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Trương Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy là không có đủ cơ sở như đã phân tích trên, nên không được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bà Trương Thị H không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị H;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006743, ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GDKTTT&THA TAND Tỉnh;
- TAND Khu vực M;
- Phòng THADS Khu vực M;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Danh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Tấn Lợi**